MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ THÍCH ỨNG XÃ HỘI CỦA CÁC NHÓM YẾU THẾ VÀ CÁC CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HỌ

Lê Minh Thiện

Viện Tâm lý học.

TÓM TẮT

Việc nghiên cứu sự thích ứng xã hội của các nhóm yếu thế cần được tiến hành từ hai góc độ: lý luận và thực tiễn. Nghiên cứu lý luận sẽ làm sáng tỏ nội hàm của các khái niệm cơ bản (thích ứng xã hội, thích ứng xã hội của các nhóm yếu thế), các hình thức thích ứng xã hội của các nhóm yếu thế (thích ứng về mặt nhận thức và thích ứng về mặt hành vi). Bài viết này cũng tìm hiểu các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với một số nhóm yếu thế, trước hết là các quan điểm, nguyên tắc, cách thức bảo vệ và chăm sóc các nhóm yếu thế.

Từ khoá: *Nhóm yếu thế; tôn trọng; bình đẳng; bảo vệ; chăm sóc; nhân đạo.*

Ngày nhận bài: 15/4/2012; *Ngày duyệt đăng bài:* 20/5/2012

I. Một số vấn đề lý luận về thích ứng xã hội của các nhóm yếu thế

1. Một số khái niệm cơ bản

1.1. Khái niệm thích ứng

Thích ứng xuất phát từ tiếng Latinh là *Adapto*. Trong tiếng Anh, tiếng Đức thích ứng là *Adaption*. Khi chuyển sang tiếng Việt adaption được hiểu là thích ứng hay thích nghi. Trong tiếng Việt, khái niệm thích nghi và thích ứng nhiều khi được hiểu và sử dụng đồng nhất nhau. Về nội hàm, hai khái niệm này đều chỉ sự biến đổi của chủ thể để tồn tại trong môi trường sống, hoàn cảnh hay tình huống của cuộc sống.

Chúng ta không nên đồng nhất hai khái niệm này, mặc dù nội hàm của chúng có nhiều điểm giống nhau. Ở đây, cần phân biệt sự khác biệt giữa hai

khái niệm thích nghi và thích ứng. Khái niệm thích nghi được dùng cho tất cả sinh vật (trong đó có con người) và thiên về góc độ sinh học. Khái niệm thích ứng chủ yếu dùng cho con người và thiên về góc độ xã hội.

Khái niệm thích ứng được nhìn nhận từ góc độ triết học, sinh học và tâm lý học. Từ góc độ triết học, thích ứng được hiểu là sự thay đổi của bản thân con người cho phù hợp với hoàn cảnh sống, để con người tồn tại và phát triển. Thích ứng là quá trình con người nỗ lực làm chủ tự nhiên, cải tạo tự nhiên, giải quyết mối quan hệ giữa con người với thế giới.

Từ góc độ sinh học, thích ứng là sự biến đổi cấu tạo, chức năng của cơ thể, biến đổi hành vi để con người tồn tại và phát triển. Sự thích ứng của con người biến đổi từ thấp đến cao.

Từ góc độ tâm lý học, *thích ứng là sự biến đổi tâm lý của chủ thể nhằm vượt qua những khó khăn, trở ngại để tồn tại và phát triển trong môi trường sống*. Tâm lý học xem xét sự thích ứng của con người chủ yếu từ góc độ tâm lý xã hội.

Từ khái niệm thích ứng trên ta thấy, cần chú ý một số điểm sau:

- Sự biến đổi tâm lý của chủ thể. Đó là sự biến đổi về nhận thức, thái độ và hành vi của chủ thể.

- Thích ứng chỉ xuất hiện khi con người gặp phải môi trường, hoàn cảnh sống mới. Khi môi trường sống đó xuất hiện những trở ngại, khó khăn đòi hỏi con người phải vượt qua.

- Khi con người thích ứng được với môi trường sống mới có nghĩa là anh ta tồn tại và phát triển trong môi trường đó.

1.2. Khái niệm thích ứng xã hội của các nhóm xã hội yếu thế

Các nhóm xã hội yếu thế là những nhóm xã hội ở vào vị trí bất lợi về một hay một số khía cạnh nào đó. Chẳng hạn như về sức khoẻ, về khả năng, về kinh tế, về tiếp cận thông tin... Nói cách khác, đây là những nhóm xã hội gặp khó khăn trong cuộc sống, họ hạn chế, bất lợi trong cuộc sống so với các nhóm xã hội khác. Có thể nêu ra một số nhóm xã hội yếu thế sau: nhóm người cao tuổi, già yếu; nhóm người tật nguyền; nhóm người mắc bệnh hiểm nghèo; nhóm người nghèo; nhóm trẻ em; nhóm trẻ lang thang cơ nhỡ; nhóm thương bệnh binh; nhóm nhiễm chất độc da cam...

Thích ứng xã hội của các nhóm xã hội yếu thế có dể định nghĩa như sau: *Thích ứng xã hội của các nhóm xã hội yếu thế là sự thay đổi tâm lý của các nhóm xã hội này nhằm vượt qua những khó khăn, sự yếu thế của bản thân để hoà nhập, tồn tại và phát triển trong môi trường xã hội.*

1.3. Các khái niệm liên quan

- *Khái niệm người khuyết tật.* Theo Công ước Quốc tế về quyền của người khuyết tật năm 2001 thì người khuyết tật được xác định như sau:

Người khuyết tật bao gồm những người có những khiếm khuyết lâu dài về thể chất, trí tuệ, thần kinh hoặc giác quan mà khi tương tác với các rào cản khác nhau có thể cản trở sự tham gia đầy đủ và hiệu quả của họ trong xã hội trên một nền tảng công bằng như những người khác trong xã hội (Điều 1, Công ước Quốc tế về quyền của người khuyết tật, 2001).

Người khuyết tật cũng được nhìn nhận từ các góc độ khác:

Đạo luật về người khuyết tật của Hoa Kỳ năm 1990 (ADA - *Americans with Disabilities Act of 1990*) định nghĩa người khuyết tật là người có sự suy yếu về thể chất hay tinh thần gây ảnh hưởng đáng kể đến một hay nhiều hoạt động quan trọng trong cuộc sống. Cũng theo ADA, những ví dụ cụ thể về khuyết tật bao gồm: khiếm khuyết về vận động, thị giác, nói và nghe, chậm phát triển tinh thần, bệnh cảm xúc và những khiếm khuyết cụ thể về học tập, bại não, động kinh, teo cơ, ung thư, bệnh tim, tiểu đường, các bệnh lây và không lây như bệnh lao và bệnh do HIV (có triệu chứng hoặc không có triệu chứng). Có sự thống nhất tương đối về định nghĩa thế nào là khuyết tật của hai đạo luật này.

Theo phân loại của Tổ chức Y tế Thế giới, có ba mức độ về khuyết tật là: khiếm khuyết (*impairment*), khuyết tật (*disability*) và tàn tật (*handicap*). *Khiếm khuyết* chỉ đến sự mất mát hoặc không bình thường của cấu trúc cơ thể liên quan đến tâm lý hoặc/và sinh lý. *Khuyết tật* chỉ đến sự giảm thiểu chức năng hoạt động, là hậu quả của sự khiếm khuyết. Còn *tàn tật* đề cập đến tình thế bất lợi hoặc thiệt thòi của người mang khiếm khuyết do tác động của môi trường xung quanh lên tình trạng khuyết tật của họ (WHO, 1999). Còn theo quan điểm của Tổ chức Quốc tế, người khuyết tật trở thành *tàn tật* là do thiếu cơ hội để tham gia các hoạt động xã hội và có một cuộc sống giống như thành viên khác (DPI, 1982).

- Khái niệm trẻ em

Theo Công ước của Liên Hiệp quốc về quyền trẻ em thì *Trẻ em là tất cả những người dưới 16 tuổi.*

2. Lý luận về thích ứng xã hội của các nhóm xã hội

Khi nói về thích ứng xã hội của các nhóm xã hội yếu thế, cần tập trung vào phân tích hai khía cạnh cơ bản sau: 1) Thích ứng về mặt nhận thức; 2) Thích ứng về mặt hành vi. Đây là hai mặt biểu hiện của sự thích ứng xã hội của các nhóm xã hội yếu thế. Trên thực tế, mức độ thích ứng xã hội của các nhóm, cá nhân không giống nhau. Có những cá nhân hay nhóm xã hội thích ứng được cả hai khía cạnh này. Đây là những cá nhân hay nhóm xã hội thích ứng tốt.

Nhưng, cũng có những cá nhân hay nhóm xã hội chỉ thích ứng được một hoặc hai khía cạnh trên.

2.1. Thích ứng về mặt nhận thức

Thích ứng về mặt nhận thức của các nhóm xã hội yếu thế thể hiện qua sự thay đổi về cách thức suy nghĩ, hiểu biết của các nhóm xã hội này về bản thân, về các vấn đề của cuộc sống và của xã hội nói chung.

Thích ứng về nhận thức, trước hết là sự hiểu biết của các nhóm về khả năng của bản thân mình, cả về những mặt mạnh, cũng như sự bất lợi, yếu thế của họ. Chẳng hạn, những người cao tuổi hiểu được mặt mạnh của họ là kinh nghiệm sống, sự từng trải trong cuộc sống, nhưng những hạn chế của họ là sức khoẻ, là sự hạn chế về tiếp cận cái mới, hạn chế về sự năng động... Nhóm những người tật nguyền họ cần hiểu được hạn chế của bản thân là sự thiếu hụt một hay một số bộ phận, chức năng của có thể và sự khó khăn trong hoạt động sống do sự khiếm khuyết này gây ra...

Biểu hiện thứ hai của thích ứng về mặt nhận thức của các nhóm xã hội yếu thế là sự thay đổi tư duy để giúp họ vượt qua khó khăn để sống. Chẳng hạn, sự thay đổi tư duy làm ăn, sản xuất để đạt được hiệu quả kinh tế tốt hơn.

Biểu hiện khác của thích ứng về mặt nhận thức của các nhóm xã hội yếu thế là họ thay đổi nhận thức để hiểu biết về các vấn đề xã hội tốt hơn. Chẳng hạn, hiểu về các chủ trương chính sách (nhất là các chính sách hỗ trợ các nhóm xã hội yếu thế), hiểu biết về kinh tế thị trường với những khó khăn, thách thức mà họ thích ứng, hiểu biết về thay đổi của các quan hệ xã hội, hiểu về sự hội nhập của đất nước.

Thích ứng về nhận thức là sự thích ứng quan trọng vì nhận thức là cơ sở định hướng cho thái độ và hành vi của con người. Không thay đổi về nhận thức (không hiểu biết, không thay đổi tư duy...) thì chủ thể không có khả năng hoà nhập với cuộc sống.

2.2. Thích ứng về mặt hành vi

Thích ứng về hành vi là thích ứng quan trọng nhất của con người. Bởi vì, hành vi là kết quả của quá trình nhận thức, xúc cảm và thái độ của con người, là biểu hiện cuối cùng của tâm lý con người.

Thích ứng về hành vi thể hiện con người vượt qua các khó khăn, trở ngại hoà nhập được với hoàn cảnh sống. Đối với những nhóm xã hội yếu thế, họ cần thay đổi về hành vi để vượt qua những khó khăn của bản thân, để tồn tại và phát triển trong môi trường sống.

Các nhóm xã hội yếu thế khác nhau có những khó khăn trở ngại khác nhau, nên sự thích ứng về hành vi cũng không giống nhau. Sự thích ứng hành vi

là điều kiện quan trọng hàng đầu để các nhóm xã hội hoà nhập vào cuộc sống, tồn tại và phát triển.

II. Một số chính sách của Đảng và Nhà nước về các nhóm xã hội yếu thế

1. Chính sách về người cao tuổi

- Hiến pháp năm 1992 quy định "... Người già, người tàn tật, trẻ mồ côi không nơi nương tựa được Nhà nước và xã hội giúp đỡ".

- Ngày 17/7/1992, Chỉ thị số 332/CT của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) về việc tổ chức ngày Quốc tế Người cao tuổi hàng năm nêu rõ: "Cũng như Ngày Quốc tế Thiếu nhi, Ngày Quốc tế Phụ nữ, Ngày Quốc tế Người cao tuổi cần được tổ chức tốt, có sự chỉ đạo cụ thể của cơ quan Nhà nước, các đoàn thể nhân dân dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng".

- Đảng và Chính phủ đã nhận thấy tầm quan trọng và tính cấp thiết của việc xây dựng tổ chức nên đã cho phép thành lập Hội Người cao tuổi Việt Nam, theo đó ngày 10/5/1995 đã tổ chức Đại hội chính thức thành lập. Hội ra đời đáp ứng nguyện vọng đã có từ lâu của hàng chục triệu người cao tuổi, phù hợp với đường lối đổi mới của Đảng và xu thế của thế giới nên đã được đông đảo người cao tuổi hưởng ứng rộng rãi.

Ảnh 1: Hội người cao tuổi thành phố Hồ Chí Minh

- Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ban hành Chỉ thị 59/CT-TƯ ngày 27/9/1995 về "Chăm sóc người cao tuổi". Trong chỉ thị này nêu rõ "Nhà nước cần dành ngân sách để giải quyết các vấn đề xã hội, trong đó, có vấn đề chăm sóc những người cao tuổi có công, cô đơn không nơi nương tựa, tàn tật, bất hạnh, nhanh chóng xoá bỏ tình trạng người già lang thang trên phố, ngõ xóm.

Đề nghị Chính phủ hỗ trợ Hội Người cao tuổi Việt Nam về kinh phí và điều kiện hoạt động".

Thông báo số 305 - TB/TƯ ngày 3/2/2010 và Thông báo số 12 - TB/TƯ ngày 13/6/2001 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về kết quả thực hiện Chỉ thị 59/CT-TƯ ngày 27/9/1995 về "Chăm sóc người cao tuổi". Trong các thông báo này, Ban Bí thư khẳng định: Người cao tuổi là nền tảng của gia đình, là tài sản vô giá, nguồn lực quan trọng cho sự phát triển xã hội. Vì thế, chăm sóc và phát huy tốt vai trò của người cao tuổi là thể hiện bản chất tốt đẹp của chế độ ta và là đạo đức của người Việt Nam...

Thủ tướng Chính phủ ra Chỉ thị 117/CP (1996) về chăm sóc người cao tuổi và hỗ trợ hoạt động cho Hội Người cao tuổi Việt Nam. Chỉ thị khẳng định: Kính lão đắc thọ là truyền thống tốt đẹp của nhân dân ta, Đảng và Nhà nước ta coi việc quan tâm, chăm sóc đời sống vật chất tinh thần của người cao tuổi là đạo lý của dân tộc, là tình cảm và trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân và các cấp chính quyền.

- Năm 2000, Nhà nước ban hành Pháp lệnh Người cao tuổi. Trong đó, quy định người cao tuổi được gia đình, Nhà nước và xã hội phụng dưỡng, chăm sóc (Điều 2), trong đó nhấn mạnh vai trò của gia đình. Ngày 26/3/2002, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Nghị định số 30/2002/NĐ quy định và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Người cao tuổi.

- Ngày 23/11/2009, Quốc hội khoá XX, kỳ họp thứ 6 đã thông qua Luật Người cao tuổi.

- Luật Người cao tuổi có hiệu lực kể từ tháng 7/2010 đã quy định về quyền và nghĩa vụ của Người cao tuổi, trách nhiệm của gia đình, Nhà nước và xã hội trong việc phụng dưỡng, chăm sóc và phát huy vai trò Người cao tuổi, đặc biệt đối với tổ chức Hội Người cao tuổi Việt Nam.

- Nghị định 6/2011/NĐ-CP Chính phủ ngày 14/01/2011 qui định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Người cao tuổi.

Thông tư 21/2011/TT-BTC ngày 18/02/2011 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí chăm sóc sức khoẻ ban đầu cho người cao tuổi tại nơi cư trú, chúc thọ, mừng thọ và biểu dương, khen thưởng người cao tuổi.

Về phía Nhà nước, các cấp chính quyền đều thành lập Ban công tác Người cao tuổi để tham mưu cho Đảng và Nhà nước tổ chức các hoạt động chăm lo và phát huy vai trò Người cao tuổi các cấp.

Trong các chủ trương, chính sách của Nhà nước về người cao tuổi thì *Pháp lệnh Người cao tuổi* được Uỷ ban Thường vụ Quốc hội thông qua ngày

28/4/2000 do Chủ tịch Quốc hội Nông Đức Mạnh ký là một văn bản pháp quy quan trọng về chăm sóc và bảo vệ người cao tuổi ở nước ta...

2. Chính sách về người tàn tật

- Dự thảo Luật Người khuyết tật trình lên Quốc Hội, Cơ quan chủ trì soạn thảo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Chính phủ Việt Nam đã thông qua và thực thi nhiều luật, chính sách, quy định và sáng kiến liên quan đến người khuyết tật, kể cả quyền tiếp cận việc làm bền vững và hiệu quả, trong đó phải kể đến những văn bản chủ yếu sau:

+ Hiến pháp Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam được Quốc Hội thông qua năm 1992 và sửa đổi năm 2001. Việc bảo vệ người khuyết tật được nêu tại Điều 59 và 67.

+ Bộ Luật Lao động (năm1994). Phần III của Bộ Luật quy định về việc làm cho người khuyết tật tại cơ quan và doanh nghiệp. Điều 123 nêu chỉ tiêu 2% đến 3% lực lượng lao động trong doanh nghiệp phải là người khuyết tật.

+ Pháp lệnh Người Khuyết tật (1998). Điều 9 nghiêm cấm mọi hành vi phân biệt đối xử hoặc ngược đãi người khuyết tật.

+ Ban Điều phối Quốc gia về vấn đề Người khuyết tật (2001).

+ Luật Đào tạo Nghề (năm 2006).

+ Bộ Quy chuẩn và Tiêu chuẩn về tiếp cận đối với người khuyết tật (2002), đưa ra những tiêu chuẩn tiếp cận cấp quốc gia.

+ Đề án Trợ giúp Người Khuyết tật của Chính phủ giai đoạn 2006 - 2010. Được phê duyệt tháng 10 năm 2006. Đề án đưa ra phương pháp tiếp cận toàn diện đối với vấn đề người khuyết tật với việc mở rộng đối tượng tham gia đề án và có sự tham gia của nhiều bộ ngành liên quan.

Một trong những chính sách quan trọng của Đảng và Nhà nước đối với người tàn tật là Pháp lệnh về người tàn tật được Uỷ ban Thường vụ Quốc hội thông qua ngày 30/7/1998...

3. Chính sách về trẻ em

- Ngày 13 tháng 4 năm 2007, Chính phủ đã ban hành nghị định số 67/2007/NĐ-CP quy định về chế độ trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội. Theo đó hầu hết trẻ em mồ côi, trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em tàn tật nặng, trẻ em bị HIV/AIDS... đều được hưởng trợ cấp với mức tối thiểu là 120 nghìn đồng và cao nhất là 360 nghìn đồng.

- Chính sách trợ giúp giáo dục vấn đề học tập của trẻ em đặc biệt khó khăn đã được đề cập đến trong Luật Phổ cập giáo dục tiểu học (1991).

- Thủ tướng Chính Phủ đã có Quyết định số 62/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 24 tháng 3 năm 2005 về chính sách hỗ trợ thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

- Trong 7 năm qua (2001 - 2007), hệ thống giáo dục trẻ em khuyết tật đã được hình thành, đến nay 63 tỉnh, thành phố trong cả nước đã hình thành ban chỉ đạo giáo dục trẻ em khuyết tật từ cấp tỉnh đến cấp huyện.

- Chính sách về y tế, chỉnh hình phục hồi chức năng để chăm sóc sức khoẻ cho những người nghèo, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

Ảnh 2: Giúp đỡ trẻ em nghèo để có cuộc sống tốt hơn

Nguồn: Ảnh internet tháng 4/2012

- Năm 2002, Thủ tướng Chính phủ lại ban hành Quyết định số 139/ 2002/QĐ-TTg về việc khám, chữa bệnh cho người nghèo.

- Chính phủ cũng có Nghị định số 63/2005/NĐ-CP của Chính phủ ban hành kèm theo điều lệ Bảo hiểm y tế, trong đó, xác định trẻ em nghèo, trẻ em hoàn cảnh đặc biệt được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, được cấp thẻ BHYT với mệnh giá như đối tượng bắt buộc tham gia BHYT; quyền lợi khám chữa bệnh được mở rộng, nhất là trẻ em bị nhiễm HIV/AIDS.

- Chính sách miễn phí khám chữa bệnh cho toàn bộ trẻ em dưới 6 tuổi.

- Chính sách hỗ trợ học nghề, tạo việc làm, Bộ Tài chính và Uỷ ban BVCS TE (trước đây) đã có thông tư số 69/TTLB liên tịch ngày 04/10/1997 "Hướng dẫn nội dung và định mức chi của chương trình chăm sóc và bảo vệ trẻ em".

- Giáo dục hòa nhập tầm nhìn tới năm 2015: Chính phủ đặt mục tiêu thực hiện giáo dục hòa nhập cho tất cả trẻ em khuyết tật vào năm 2015...

Trong các chính sách của Đảng và Nhà nước về chăm sóc và bảo vệ trẻ em, thì *Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em* là một văn bản quan trọng. Luật được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua, số 25/2004/QH11 ngày 15 tháng 6 năm 2004.

Luật này căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội khoá X, kỳ họp thứ 10.

Nhận xét chung:

- Nhà nước ta đã ký các công ước quốc tế đối với các nhóm xã hội yếu thế và hiện thực hoá các công ước này trong hoàn cảnh thực tiễn ở Việt Nam.

- Trong những năm qua Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách đối với các nhóm xã hội yếu thế, đặc biệt là đối với người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em (nhất là trẻ em nghèo, lang thang, tật nguyền, mồ côi...). Có thể nêu một số điểm quan trọng trong các chính sách của Đảng và Nhà nước đã ban hành đối với các nhóm xã hội yếu thế ở nước ta:

+ Khẳng định việc chăm sóc và phát huy vai trò của các nhóm xã hội yếu thế là trách nhiệm của gia đình, Nhà nước và toàn xã hội, là đạo lý tốt đẹp của dân tộc ta có từ nhiều thế hệ.

+ Cần phải chăm sóc sức khoẻ, vật chất và tinh thần cho những người thuộc các nhóm yếu thế.

+ Chăm sóc, tạo điều kiện và cho người yếu thế tham gia các hoạt động văn hoá, giáo dục, thể dục, thể thao...

+ Bảo trợ thu nhập cho những người thuộc các nhóm yếu thế.

+ Phát huy vai trò của những người yếu thế trong gia đình, cộng đồng và xã hội...

Tài liệu tham khảo

1. Bùi Thế Cường, *Trong miền an sinh xã hội: Nghiên cứu về tuổi già Việt Nam*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.

2. Đàm Hữu Đắc, *Cơ sở lý luận xây dựng, phát triển hệ thống chính sách phúc lợi xã hội và dịch vụ xã hội với người cao tuổi ở Việt Nam trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế*, Lao động xã hội, 2008.

3. Đàm Hữu Đắc, *Thực trạng, phương hướng giải pháp xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách bảo hiểm xã hội, hưu trí và bảo hểm y tế đối với người cao tuổi*, Lao động xã hội, 2008.

4. Trường Đại học Lao động xã hội, *Đề tài "Cơ sở lý luận xây dựng, phát triển hệ thống chính sách phúc lợi xã hội và dịch vụ xã hội đối với người cao tuổi ở Việt Nam trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế"*, Hà Nội, 2008.

5. Trường Đại học Lao động xã hội, *Đề tài "Thực trạng, phương hướng, giải pháp xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách bảo hiểm xã hội hưu trí và bảo hiểm y tế đối với người cao tuổi"*, Hà Nội, 2008.

6. http://vi.wikipedia.org/wiki/Ng/C6/B0/E1/BB/9Di_khuy/E1/BA/BFt_t/E1/BA/Adt-cite_note-2.

7. http://vi.wikipedia.org/wiki/Ng/C6/B0/E1/BB/9Di_khuy/E1/BA/BFt_t/E1/BA/ADt-cite_note-3.

8. http://vi.wikipedia.org/wiki/Ng/C6/B0/E1/BB/9Di_khuy/E1/BA/BFt_t/E1/BA/ADt-cite_note-4.